**PHỤ LỤC V**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày ......... tháng ....... năm ...........*

**HỢP ĐỒNG**

**THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Số: ............................

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN ban hành "Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ”;

Căn cứ Thông tư số .................. ngày ........... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về quản lý và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số .............. ngày ........ của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ...... *(Ghi các Quyết định phê duyệt, giao, triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN này)*

**CHÚNG TÔI GỒM:**

**1. Bên đặt hàng (Bên A):**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Do: | …………………………….. | |
| - Chức vụ: | ...................................................... | |
| - Địa chỉ: | ........................................................... | |
| - Điện thoại: ...................... | |  |

**2. Bên nhận đặt hàng (Bên B) gồm:**

***2.1. Tổ chức chủ trì***

- Do: ……………………………

- Chức vụ: ……………………………

- Địa chỉ: ……………………………

|  |  |
| --- | --- |
| - Số Tài khoản: ………………… | Tại: ……………………… |
| - Mã số thuế: ............................... |  |

***2.2. Cá nhân chủ trì/Chủ nhiệm nhiệm vụ:***

- Ông/Bà: .....................

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| - Số CMTND/CCCD: | | ................... Cấp ngày .................... | | |
| - Chức vụ: | .................................. | | |
| - Địa chỉ: | ................................... | | |
| - Điện thoại: .......................... | | | Email: |
| - Số Tài khoản: ........................... | | | Tại: …………………. |

Cùng thoả thuận và thống nhất ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) cấp Bộ năm .......... của NHNN (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

**Điều 1. Đặt hàng và nhận đặt hàng thực hiện nhiệm vụ KH&CN**

Bên A đặt hàng và Bên B nhận đặt hàng thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo các nội dung trong Thuyết minh nhiệm vụ KH&CN đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (sau đây gọi tắt là Thuyết minh).

Thuyết minh là bộ phận không tách rời của Hợp đồng.

**Điều 2**. **Thời gian thực hiện Hợp đồng**

Tổng thời gian thực hiện nhiệm vụ KH&CN là ..... tháng, từ ......., bao gồm:

2.1. Thời gian bên B nghiên cứu, hoàn thiện và nộp sản phẩm nhiệm vụ KH&CN: ......... tháng, từ ............... đến .............

2.2. Thời gian để tiến hành các thủ tục đánh giá, nghiệm thu: ……… tháng, từ ........... đến ...............

**Điều 3. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN**

3.1. Nhiệm vụ KH&CN được thực hiện theo hình thức: ……………..

3.2. Tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN do Ngân hàng Nhà nước cấp là ............. đồng *(Bằng chữ: ................. đồng chẵn)*.

3.3. Nguồn kinh phí: .................................

3.4. Tiến độ cấp kinh phí:

Lần 1: Sau khi Hợp đồng có hiệu lực, trong thời gian tối đa ……….. ngày, bên A sẽ làm thủ tục tạm ứng cho bên B số tiền bằng ....... tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Lần 2: Căn cứ quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công nhận hoàn thành nhiệm vụ KH&CN và biên bản thanh lý Hợp đồng KH&CN, Bên A có trách nhiệm làm các thủ tục thanh quyết toán ........... kinh phí còn lại của nhiệm vụ KH&CN cho Bên B theo quy định.

3.5. Phương thức thanh toán: chuyển khoản/hoặc tiền mặt.

**Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên**

**4.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A**

4.1.1. Cung cấp các thông tin cần thiết cho việc triển khai, thực hiện Hợp đồng;

4.1.2. Cấp cho Bên B số kinh phí theo quy định tại Điều 3, Khoản 3.4 của Hợp đồng này;

4.1.3. Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất để đánh giá tình hình Bên B thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo Thuyết minh;

4.1.4. Kịp thời xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết kiến nghị, đề xuất của Bên B về điều chỉnh nội dung chuyên môn, kinh phí và các vấn đề phát sinh khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN;

4.1.5. Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN của Bên B theo các yêu cầu, chỉ tiêu trong Thuyết minh;

4.1.6. Cùng Bên B tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định hiện hành;

4.1.7. Phối hợp cùng Bên B xử lý tài sản được mua sắm bằng ngân sách nhà nước hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước (nếu có) theo quy định của pháp luật;

4.1.8. Tiếp nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN, bàn giao kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cho tổ chức đề xuất đặt hàng hoặc tổ chức triển khai ứng dụng sau khi được nghiệm thu;

4.1.9. Hướng dẫn việc trả thù lao cho tác giả nếu có lợi nhuận thu được từ việc ứng dụng kết quả của nhiệm vụ KH&CN và thông báo cho tác giả việc bàn giao kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN (nếu có);

4.1.10. Ủy quyền cho Bên B tiến hành đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN (nếu có) theo quy định hiện hành;

4.1.11. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật KH&CN và các văn bản liên quan.

**4.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B**

4.2.1. Tổ chức triển khai đầy đủ các nội dung nghiên cứu của Nhiệm vụ KH&CN đáp ứng các yêu cầu chất lượng, tiến độ và chỉ tiêu theo Thuyết minh;

4.2.2. Bàn giao đầy đủ các sản phẩm cuối cùng đáp ứng đầy đủ các tiêu chí đã được phê duyệt theo Thuyết minh;

4.2.3. Được quyền tự chủ, tự quyết định việc sử dụng phần kinh phí được giao khoán để thực hiện Nhiệm vụ KH&CN;

4.2.4. Báo cáo định kỳ 06 tháng/lần và báo cáo đột xuất về tình hình thực hiện Nhiệm vụ KH&CN, báo cáo quyết toán hoặc tình hình sử dụng số kinh phí đã nhận trước khi nhận kinh phí của đợt tiếp theo;

4.2.5. Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin cần thiết để triển khai thực hiện Hợp đồng; Kiến nghị, đề xuất điều chỉnh các nội dung chuyên môn, kinh phí và thời hạn thực hiện Hợp đồng khi cần thiết;

4.2.6. Yêu cầu Bên A cấp đủ kinh phí theo đúng tiến độ quy định trong Hợp đồng khi hoàn thành đầy đủ nội dung công việc theo tiến độ cam kết. Đảm bảo huy động đủ nguồn kinh phí khác theo cam kết *(nếu có)*. Sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ hiện hành và có hiệu quả;

4.2.7. Chấp hành các quy định pháp luật trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với nhiệm vụ KH&CN theo quy định của pháp luật;

4.2.8. Thực hiện việc tự đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở (nếu có) theo quy định hiện hành khi kết thúc nhiệm vụ KH&CN. Sau khi đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở hoàn chỉnh lại hồ sơ theo kết luận của Hội đồng đánh giá cấp cơ sở, Bên B có trách nhiệm chuyển cho Bên A các hồ sơ để Bên A tiến hành việc đánh giá, nghiệm thu theo quy định pháp luật;

4.2.9. Có trách nhiệm quản lý tài sản được mua sắm bằng ngân sách nhà nước hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước (nếu có) cho tới khi có quyết định xử lý các tài sản đó của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

4.2.10. Sản phẩm cuối cùng của nhiệm vụ KH&CN bao gồm:

- Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu;

- Báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu;

- Bản kiến nghị (bao gồm các nội dung: Nội dung nghiên cứu cơ bản của nhiệm vụ KH&CN, đơn vị có khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu, các kiến nghị để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN…);

- Các sản phẩm khoa học trung gian: (i) 01 hội thảo khoa học hoặc tọa đàm khoa học (bắt buộc); (ii) Ít nhất 01 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành có liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu (bắt buộc); (iii) Các sản phẩm khác theo Thuyết minh; (iv) Tổng hợp số liệu thống kê, điều tra, khảo sát, báo cáo và các chuyên đề… (nếu có).

4.2.11. Sau khi nghiệm thu ở cấp Bộ, Bên B phải nộp Báo cáo đánh giá ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học cho Bên A.

4.2.12. Có trách nhiệm cùng Bên A tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định;

4.2.13. Thực hiện việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo ủy quyền của Bên A đối với kết quả nghiên cứu (nếu có);

4.2.14. Thực hiện đăng ký, giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN tại cơ quan thông tin KH&CN quốc gia và tại các tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin KH&CN theo quy định pháp luật;

4.2.15. Công bố kết quả thực hiện Nhiệm vụ KH&CN sau khi được Bên A cho phép;

4.2.16. Chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cùng các cá nhân trực tiếp sáng tạo ra kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được đứng tên tác giả trong Nhiệm vụ KH&CN và hưởng quyền tác giả, bao gồm cả các lợi ích thu được (nếu có), từ việc khai thác thương mại các kết quả thực hiện Nhiệm vụ KH&CN theo quy định pháp luật và các thỏa thuận khác (nếu có);

4.2.17. Có trách nhiệm trực tiếp hoặc tham gia triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo yêu cầu của Bên A hoặc tổ chức, cá nhân được Bên A giao quyền sở hữu, sử dụng kết quả thực hiện Nhiệm vụ KH&CN;

4.2.18. Thực hiện bảo mật các kết quả thực hiện Nhiệm vụ KH&CN theo quy định về bảo vệ bí mật của nhà nước;

4.2.19. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Luật KH&CN và các văn bản liên quan;

**Điều 5. Chấm dứt Hợp đồng**

Hợp đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau:

5.1. Nhiệm vụ KH&CN đã kết thúc và được nghiệm thu.

5.2. Có căn cứ để khẳng định việc thực hiện hoặc tiếp tục thực hiện nhiệm vụ KH&CN là không cần thiết và hai bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.

5.3. Bên B bị đình chỉ thực hiện Nhiệm vụ KH&CN theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

5.4. Bên B không hoàn thành nhiệm vụ KH&CN hoặc không giao nộp đầy đủ các sản phẩm theo Thuyết minh đã được phê duyệt để đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN khi kết thúc thời gian thực hiện theo Khoản 1, Điều 2 của Hợp đồng này.

5.5. Bên A vi phạm một trong các điều kiện dẫn đến việc nhiệm vụ KH&CN không thể tiếp tục thực hiện do:

a. Không cấp đủ kinh phí theo tiến độ thực hiện nhiệm vụ KH&CN mà không có lý do chính đáng;

b. Không kịp thời giải quyết những kiến nghị, đề xuất của Bên B theo quy định của pháp luật.

**Điều 6. Xử lý tài chính khi chấm dứt Hợp đồng**

6.1.Đối với nhiệm vụ KH&CN đã kết thúc và được nghiệm thu:

a. Nhiệm vụ KH&CN đã kết thúc và đánh giá nghiệm thu từ mức “Đạt” trở lên thì Bên A thanh toán đầy đủ kinh phí cho Bên B theo quy định tại Hợp đồng này.

b. Nhiệm vụ đã kết thúc, nhưng nghiệm thu mức “không đạt”:

- Đối với phần kinh phí đã cấp nhưng chưa sử dụng: Bên B có trách nhiệm hoàn trả 100%.

- Đối với phần kinh phí đã sử dụng:

+ Trường hợp do nguyên nhân khách quan (như thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn và các trường hợp do nguyên nhân khách quan khác do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ xem xét quyết định cụ thể): Bên B không phải hoàn trả kinh phí đã sử dụng.

+ Trường hợp do nguyên nhân chủ quan: Căn cứ trên kết quả đánh giá, nghiệm thu thực tế, Thống đốc NHNN quyết định mức thu hồi cụ thể đối với phần kinh phí đã sử dụng, đảm bảo tối thiểu 30% tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ đã sử dụng đúng quy định. Bên B có trách nhiệm nộp hoàn trả NHNN theo mức do Thống đốc NHNN quyết định.

+ Trường hợp do nguyên nhân chủ quan và không chứng minh được kinh phí đã sử dụng đúng quy định hoặc không cung cấp đầy đủ chứng từ hợp pháp, hợp lệ: BênBnộp trả 100% kinh phí đã sử dụng.

c. Hai bên có trách nhiệm xác định, thống nhất mức kinh phí thu hồi của các bên liên quan (chủ nhiệm nhiệm vụ, các cá nhân trực tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ) để thực hiện nghĩa vụ nộp hoàn trả NHNN.

6.2. Đối với nhiệm vụ KH&CN chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện:

a. Trường hợp nhiệm vụ KH&CN chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện thì Bên B có trách nhiệm xuất trình đầy đủ chứng từ, sản phẩm xác định khối lượng công việc đã hoàn thành, kinh phí đã sử dụng căn cứ trên nội dung đã được phê duyệt theo Thuyết minh để làm cơ sở xác định kinh phí Bên B đã sử dụng và thu hồi số kinh phí còn lại đã cấp cho Bên B.

b. Trường hợp hai bên thỏa thuận ký Hợp đồng mới để thay thế và kết quả nghiên cứu của Hợp đồng cũ là một bộ phận cấu thành kết quả nghiên cứu của Hợp đồng mới thì số kinh phí đã cấp cho Hợp đồng cũ được tính vào kinh phí cấp cho Hợp đồng mới và được tiếp tục thực hiện với Hợp đồng mới.

6.3.Đối với nhiệm vụ KH&CN bị đình chỉ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc Hợp đồng bị chấm dứt do Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN theo quy định pháp luật:

- Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ kinh phí thực hiện nhiệm vụ đã cấp nhưng chưa sử dụng.

- Đối với phần kinh phí nhiệm vụ đã sử dụng:

+ Trường hợp do nguyên nhân chủ quan: Bên B có trách nhiệm nộp hoàn trả NSNN 100% tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ đã sử dụng.

+ Trường hợp do nguyên nhân khách quan: Bên B không phải nộp hoàn trả NSNN số kinh phí thực hiện nhiệm vụ đã sử dụng.

6.4. Đối với Nhiệm vụ KH&CN không hoàn thành do lỗi của Bên A dẫn đến việc chấm dứt Hợp đồng thì Bên B không phải bồi hoàn số kinh phí đã sử dụng để thực hiện nhiệm vụ KH&CN, nhưng vẫn phải thực hiện việc quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

**Điều 7.** **Xử lý tài sản khi chấm dứt Hợp đồng**

7.1. Khi chấm dứt Hợp đồng, việc xử lý tài sản được mua sắm hoặc được hình thành bằng ngân sách nhà nước cấp cho nhiệm vụ KH&CN được thực hiện theo quy định của pháp luật.

7.2. Các sản phẩm vật chất của nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước: nguồn thu khi các sản phẩm này được tiêu thụ trên thị trường sau khi trừ các khoản chi phí cần thiết, hợp lệ, được phân chia theo quy định của pháp luật.

**Điều 8.** **Điều khoản chung**

8.1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu một trong hai bên có yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung hoặc có căn cứ để chấm dứt thực hiện Hợp đồng thì phải thông báo cho bên kia ít nhất 15 ngày làm việc trước khi tiến hành sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt thực hiện Hợp đồng, xác định trách nhiệm của mỗi bên và hình thức xử lý. Các sửa đổi, bổ sung (nếu có) phải lập thành văn bản có đầy đủ chữ ký của các bên và được coi là bộ phận của Hợp đồng và là căn cứ để nghiệm thu kết quả của nhiệm vụ KH&CN.

8.2. Thời gian thực hiện Hợp đồng được gia hạn theo Quyết định gia hạn thời hạn thực hiện nhiệm vụ KH&CN của Thống đốc NHNN. Quyết định gia hạn thời hạn thực hiện nhiệm vụ KH&CN là một phần phụ lục của Hợp đồng.

8.3. Khi một trong hai bên gặp phải trường hợp bất khả kháng dẫn đến việc không thể hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận trong Hợp đồng thì có trách nhiệm thông báo cho Bên kia trong 10 ngày làm việc kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Hai bên có trách nhiệm phối hợp xác định nguyên nhân và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

8.4. Hai bên cam kết thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng và có trách nhiệm hợp tác giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện. Bên vi phạm các cam kết trong Hợp đồng phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

8.5. Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng do các bên thương lượng hoà giải để giải quyết. Trường hợp không hoà giải được thì một trong hai bên có quyền đưa tranh chấp ra Trọng tài để giải quyết.

**Điều 9. Hiệu lực của Hợp đồng**

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký kết. Hợp đồng này được lập thành 04 bản và có giá trị như nhau, Bên A giữ 03 bản, Bên B giữ 01 bản để theo dõi và thực hiện thanh, quyết toán./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BÊN A**  **(Cơ quan chủ quản)** | **BÊN B** | |
| **VIỆN TRƯỞNG** | **TỔ CHỨC CHỦ TRÌ** | **CÁ NHÂN CHỦ TRÌ** |